

Phụ lục số 7
CẬP NHẬT, ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016 - 2020 NGUỒN VỐN XỔ SỞ KIẾN THIẾT THỦ ĐÔ
(Kèm theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-IT	Phân loại dự án	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Lấy kế TT từ KC đến hết năm 2015	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đến QĐ 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018						Cập nhật, điều chỉnh mức vốn trung hạn 2016-2020					Tăng/giảm mức vốn trung hạn	CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú			
						Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trung dài:					Tổng cộng	Trung dài:										
										Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019					Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
	TỔNG CỘNG	24					2.222.781	261.374	1.430.000	125.000	120.000	342.000	376.000	327.000	1.403.000	125.000	120.000	342.000	376.000	300.000	-27.000	24				
I	Thị xã Sơn Tây	6					133.558	30.900	85.000	6.500		19.000	11.500	48.000	81.000	6.500		19.000	11.500	44.000	-4.000	6				
I.1	Dự án chuyển tiếp 2016-2017	2					43.187	30.900	6.500	6.500					6.500	6.500					-	2				
1	Trường THCS Đường Lâm thị xã Sơn Tây	1	Sơn Tây	2012-2016	Nhà lớp học 3 tầng, nhà tập đa năng và các công trình phụ trợ	985/QĐ-UBND 29/10/2010; 752/QĐ-UBND 31/8/2012	29.958	23.400	3.000	3.000					3.000	3.000					-	1	UBND thị xã Sơn Tây			
2	Trường Tiểu học Phú Thịnh	1	Sơn Tây	2012-2016	Nhà lớp học 3 tầng, nhà tập đa năng	1723/QĐ-UBND 22/9/2010; 1096/QĐ-UBND 16/9/2014	13.229	7.500	3.500	3.500					3.500	3.500					-	1	UBND thị xã Sơn Tây			
I.2	Dự án mới 2018 - 2020	4					90.371		78.500	-	-	19.000	11.500	48.000	74.500	-	-	19.000	11.500	44.000	(4.000)	4				
1	Xây dựng phòng khám đa khoa Lê Lợi, thị xã Sơn Tây	1	Sơn Tây	2018-2019	2.014,6 m2, 6 tầng	1300/QĐ-UBND 31/10/2017	34.979		30.500			19.000	11.500		30.500			19.000	11.500		-	1	UBND thị xã Sơn Tây			
	Dự án giảm mức vốn bố trí	3					53.392	-	48.000	-	-	-	-	48.000	44.000	-	-	-	-	44.000	(4.000)	3				
2	Xây dựng phòng học và các hạng mục phụ trợ trường mầm non Sơn Đông	1	Sơn Đông	2020	Xây dựng nhà lớp học kết hợp bếp 2 tầng, kết hợp khung bê tông cốt thép chịu lực với tổng diện tích sàn khoảng 1.390m2	1333/QĐ-UBND 07/10/2019	16.871		16.000					16.000	14.000					14.000	(2.000)	1	UBND thị xã Sơn Tây			
3	Trường mầm non Quang Trung (GD1)	1	Quang Trung	2020	Xây dựng 15 phòng	1506/QĐ-UBND 31/10/2019	19.954		16.000					16.000	15.000					15.000	(1.000)	1	UBND thị xã Sơn Tây			
4	Trường mầm non Thanh Mỹ (GD2)	1	Thanh Mỹ	2018-2020	Xây dựng 8 phòng, nhà hiệu bộ	1473/QĐ-UBND 28/10/2019	18.567		16.000					16.000	15.000					15.000	(1.000)	1	UBND thị xã Sơn Tây			
II	Huyện Ba Vì	5					158.017		100.000	4.000	9.500	18.000	31.000	37.500	96.500	4.000	9.500	18.000	31.000	34.000	(3.500)	5				
II.1	Dự án chuyển tiếp 2016-2017	1					14.993	-	13.500	4.000	9.500	-	-	-	13.500	4.000	9.500	-	-	-	-	1				
1	Trường mầm non Tông Bạt - khu Dải Đa	1	Ba Vì	2016-2017	Nhà lớp học 12 phòng, nhà hiệu bộ và phụ trợ	462/QĐ-UBND 07/6/2011; 1265/QĐ-UBND 15/10/2014	14.993		13.500	4.000	9.500				13.500	4.000	9.500				-	1	UBND huyện Ba Vì			
II.2	Dự án mới 2018 - 2020	4					143.024	-	86.500	-	-	18.000	31.000	37.500	83.000	-	-	18.000	31.000	34.000	(3.500)	4				
1	Nâng cấp trường Mầm non Phong Vân	1	Ba Vì	2018-2020	Xây dựng 20 phòng học, nhà hiệu bộ, nhà bếp và các hạng mục phụ trợ	1923/QĐ-UBND 18/10/2017	23.000		21.000				21.000		21.000				21.000		-	1	UBND huyện Ba Vì			
2	Nâng cấp trường Mầm non Sơn Đà A	1	Ba Vì	2018-2020	Xây dựng 06 phòng học, cải tạo nhà hiệu bộ, thay thế hệ thống điện, các hạng mục phụ trợ	1994/QĐ-UBND 27/10/2011; 2102/QĐ-UBND 31/10/2017	29.993		28.000			18.000	10.000		28.000			18.000	10.000		-	1	UBND huyện Ba Vì			
	Dự án giảm mức vốn bố trí	3					90.031	-	37.500	-	-	-	-	37.500	34.000	-	-	-	-	34.000	(3.500)	3				
3	Trường mầm non Cổ Đô	1	Cổ Đô	2020	Xây mới nhà lớp học 2 tầng 10 phòng học, nhà hiệu bộ, bếp mới và phụ trợ	2817/QĐ-UBND 30/10/2018; 3100/QĐ-UBND 21/10/2019	52.033		19.000					19.000	18.000					18.000	(1.000)	1	UBND huyện Ba Vì	Phần còn lại NS huyện		
4	Trường mầm non Tiên Phong	1	Tiên Phong	2020	Cải tạo 8 phòng học; xây mới 12 phòng học, phòng chức năng và phụ trợ	2847/QĐ-UBND 30/10/2018; 3003/QĐ-UBND 10/10/2019	37.998		18.500					18.500	16.000					16.000	(2.500)	1	UBND huyện Ba Vì			
III	Huyện Chương Mỹ	6					123.708	15.800	85.000	18.500	20.500	33.000	13.000		85.000	18.500	20.500	33.000	13.000		-	6				
III.1	Dự án chuyển tiếp 2016-2017	4					99.618	15.800	72.000	18.500	20.500	33.000			72.000	18.500	20.500	33.000			-	4				
1	Trường mầm non trung tâm xã Trung Hòa	1	Chương Mỹ	2013-2016	10 phòng học, các hạng mục phụ trợ	6170/QĐ-UBND 24/10/2011	14.997	5.500	5.500	5.500					5.500	5.500					-	1	UBND huyện Chương Mỹ			
2	Trường THCS Phụng Châu	1	Xã Phụng Châu	2013-2018	Xây dựng 06 phòng học bộ môn, nhà hiệu bộ, nhà đa năng, các hạng mục phụ trợ	1325/QĐ-UBND 23/10/2013; 12126/QĐ-UBND 30/12/2016	29.520	10.300	17.500	6.000	5.500	6.000			17.500	6.000	5.500	6.000			-	1	UBND huyện Chương Mỹ			

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Lấy kế TT từ KC đến hết năm 2015	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đến NQ 08/NQ-HDND ngày 04/12/2018						Cấp nhập, điều chỉnh mức vốn trung hạn 2016-2020					Tăng/giảm mức vốn trung hạn	CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú				
						Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trung dài:					Tổng cộng	Trung dài:											
										Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019					Năm 2020			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
3	Trường mầm non trung tâm xã Lam Điền	1	xã Lam Điền	2016-2018	Xây dựng 12 nhà lớp học, nhà hiệu bộ và phụ trợ	2617/QĐ-UBND 25/10/2012	29.586		26.000	7.000	7.000	12.000			26.000	7.000	7.000	12.000			-	1	UBND huyện Chương Mỹ				
4	Trường mầm non trung tâm Thượng Vực, xã Thượng Vực	1	xã Thượng Vực	2017-2018	Xây dựng 12 phòng học, nhà hiệu bộ và phụ trợ	9136/QĐ-UBND 20/10/2016	25.507		23.000		8.000	15.000			23.000		8.000	15.000			-	1	UBND huyện Chương Mỹ				
III.2	Dự án mới 2018 - 2020	2					24.098	-	13.000	-	-	-	13.000	-	13.000	-	-	-	13.000	-	-	2					
1	Trường Mầm non Nam Phương Tiến B	1	Chương Mỹ	2018-2020	Xây dựng nhà lớp học kết hợp bếp và hiệu bộ với 12 phòng, hạng mục phụ trợ	9348/QĐ-UBND 28/10/2016	9.103		8.000				8.000		8.000				8.000		-	1	UBND huyện Chương Mỹ				
2	Trường mầm non Phú Nam An, xã Phú Nam An	1	Phú Nam An	2019	Nhà lớp học + hiệu bộ 2 tầng diện tích 1242,3 m2; các hạng mục phụ trợ	9287/QĐ-UBND 26/10/2016	14.995		5.000				5.000		5.000				5.000		-	1	UBND huyện Chương Mỹ				
IV	Huyện Đan Phượng	5					95.529		50.000	4.000			21.700	24.300	46.700	4.000			21.700	21.000	(3.300)	5					
IV.1	Dự án chuyển tiếp 2016-2017	1					5.500		4.000	4.000					4.000	4.000					-	1					
1	Trường Tiểu học Liên Hồng; hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học	1	Đan Phượng	2016	2 tầng 8 phòng học	1200/QĐ-UBND 27/4/2015	5.500		4.000	4.000					4.000	4.000					-	1	UBND huyện Đan Phượng				
IV.2	Dự án mới 2018 - 2020	4					90.029		46.000				21.700	24.300	42.700				21.700	21.000	(3.300)	4					
1	Trường Mầm non Trung Châu A	1	Trung Châu	2019-2020	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ	4681/QĐ-UBND 30/10/2018	14.737		12.700				12.700		12.700				12.700		-	1	UBND huyện Đan Phượng				
2	Trường Mầm non Liên Hà (khu B)	1	Liên Hà	2019-2020	Xây nhà lớp học 3 tầng và các hạng mục phụ trợ	7620/QĐ-UBND 31/10/2017	10.203		9.000				9.000		9.000				9.000		-	1	UBND huyện Đan Phượng				
3	Trường Mầm non Hạ Mỗ (miền bãi)	1	Hạ Mỗ	2020	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 4 phòng và các hạng mục phụ trợ	4683/QĐ-UBND 30/10/2018	7.661		6.500				6.500		6.500				6.500		-	1	UBND huyện Đan Phượng				
	Dự án loại bỏ khỏi danh mục	2							17.800						17.800						(17.800)						
	Trường Mầm non huyện Đan Phượng (GD 2)	1		2019-2020		4682/QĐ-UBND 30/10/2018			5.000				5.000								(5.000)		UBND huyện Đan Phượng				
	Trường Mầm non Hồng Hà (GD 3)	1		2019-2020		4372/QĐ-UBND 24/10/2018			12.800				12.800								(12.800)		UBND huyện Đan Phượng				
	Bổ sung danh mục và mức vốn	1					57.428								14.500	-	-	-	-	14.500	14.500	1					
4	Trường Mầm non Phương Đình (khu B thôn La Thạch)	1	xã Phương Đình	2020	Xây dựng khối nhà lớp học kết hợp nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	7720/QĐ-UBND 25/10/2019	57.428								14.500				14.500	14.500	1		UBND huyện Đan Phượng				
V	Huyện Đông Anh	2					70.140	6.450	50.000	5.000	9.000	7.000	20.000	9.000	49.000	5.000	9.000	7.000	20.000	8.000	(1.000)	2					
V.1	Dự án chuyển tiếp 2016-2017	1					29.207	6.450	21.000	5.000	9.000	7.000			21.000	5.000	9.000	7.000			-	1					
1	Xây dựng trung tâm mầm non thôn Tiên Hội, xã Đông Hội	1	Đông Anh	2016-2018	Xây mới 12 phòng học, nhà hiệu bộ và hạng mục phụ trợ nhóm lớp	3282/QĐ-UBND 12/10/2012	29.207	6.450	21.000	5.000	9.000	7.000			21.000	5.000	9.000	7.000			-	1	UBND huyện Đông Anh				
V.2	Dự án mới 2018 - 2020	1					40.933		29.000				20.000	9.000	28.000				20.000	8.000	(1.000)	1					
	Dự án giảm mức vốn bổ trí	1					40.933	-	29.000	-	-	-	20.000	9.000	28.000	-	-	-	20.000	8.000	(1.000)	1					
1	Xây dựng trung tâm Mầm non Vông La	1	Đông Anh	2018-2020	Xây dựng 14 nhóm lớp học, khu hiệu bộ, chức năng và các hạng mục phụ trợ	5986/QĐ-UBND 31/10/2018	40.933		29.000				20.000	9.000	28.000				20.000	8.000	(1.000)	1	UBND huyện Đông Anh				
VI	Huyện Gia Lâm	4					93.361	8.500	50.000	10.000	9.500		30.500		50.000	10.000	9.500		30.500		-	4					
VI.1	Dự án chuyển tiếp 2016-2017	2					44.927	8.500	19.500	10.000	9.500				19.500	10.000	9.500				-	2					
1	Trường mầm non thị trấn Trâu Quỳ	1	Gia Lâm	2015-2017	Xây dựng 12 nhóm lớp học và các hạng mục phụ trợ	3199/QĐ-UBND 10/10/2014	27.874	8.500	5.000	5.000					5.000	5.000					-	1	UBND huyện Gia Lâm				
2	Xây dựng trường tiểu học Văn Đức	1	Gia Lâm	2016-2017	Phá dỡ nhà cấp 4 một tầng, xây dựng bổ sung nhà học 3 tầng 12 phòng học, chức năng và các hạng mục phụ trợ	4163/QĐ-UBND 05/8/2015	17.053		14.500	5.000	9.500				14.500	5.000	9.500				-	1	UBND huyện Gia Lâm				
VI.2	Dự án mới 2018 - 2020	2					48.434	-	30.500	-	-	-	30.500	-	30.500	-	-	-	30.500	-	-	2					
1	Trạm y tế Trâu Quỳ	1	Gia Lâm	2018-2020	Nhà 02 tầng diện tích 610 m2	4481/QĐ-UBND 7/6/2018	5.909		5.000				5.000		5.000				5.000		-	1	UBND huyện Gia Lâm				
2	Xây dựng trường mầm non Yên Thường (GD 1)	1	Yên Thường	2019-2020	Xây dựng 08 nhóm lớp học, khu bộ, chức năng và các hạng mục phụ trợ	4593/QĐ-UBND 14/6/2018	42.525		25.500				25.500		25.500				25.500		-	1	UBND huyện Gia Lâm				
VII	Huyện Hoài Đức	3					22.041	3.500	50.000	3.500		12.000		34.500	46.500	3.500			12.000		31.000	(3.500)	3				
VII.1	Dự án chuyển tiếp 2016-2017	1					8.843	3.500	3.500	3.500					3.500	3.500					-	1					

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Lấy kế TT từ KC đến hết năm 2015	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đến NQ 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018						Cấp nhập, điều chỉnh mức vốn trung hạn 2016-2020					Tăng/giảm mức vốn trung hạn	CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú			
						Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó:					Tổng cộng	Trong đó:										
										Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019					Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
I	Trường mầm non Dương Liễu	1	Hoài Đức	2015-2016	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng và các phòng chức năng	3366/QĐ-UBND 24/10/2012	8.843	3.500	3.500	3.500					3.500	3.500					-	1	UBND huyện Hoài Đức			
VII.2	Dự án mới 2018 - 2020	2					13.198		46.500			12.000		34.500	43.000			12.000		31.000	-3.500	2				
I	Trường tiểu học Sơn Đồng	1	Hoài Đức	2018-2020	Nhà lớp học, nhà giáo dục thể chất và các hạng mục phụ trợ	5468/QĐ-UBND 29/8/2016; 9241/QĐ-UBND 30/10/2017	13.198		12.000			12.000			12.000			12.000			-	1	UBND huyện Hoài Đức			
	Lưu ý bỏ khỏi danh mục	1							34.500	-	-	-	-	34.500	-	-	-	-	-	-	(34.500)					
2	Xây dựng trường mầm non Đồng La 1 xã Đồng La		Đồng La	2020	Xây dựng 20 nhóm lớp, nhà hiệu bộ và phụ trợ				34.500					34.500							(34.500)		UBND huyện Hoài Đức			
	Dự án bổ sung danh mục và mức vốn	1													31.000					31.000	31.000	1				
3	Xây dựng trường THCS Tiên Yên, xã Tiên Yên	1	xã Tiên Yên	2020	Xây dựng 20 nhóm lớp, nhà hiệu bộ và phụ trợ	6270/QĐ-UBND 29/10/2018									31.000					31.000	31.000	1	UBND huyện Hoài Đức			
VIII	Huyện Mê Linh	3					122.333	6.100	85.000	5.000	14.500	25.000	20.000	20.500	83.500	5.000	14.500	25.000	20.000	19.000	(1.500)	3				
VIII.1	Dự án chuyển tiếp 2016-2017	1					29.264	6.100	19.500	5.000	14.500				19.500	5.000	14.500				-	1				
I	Trường mầm non Kim Hoa	1	Mê Linh	2016-2018	2 tầng	6323/QĐ-UBND 23/10/2014	29.264	6.100	19.500	5.000	14.500				19.500	5.000	14.500				-	1	UBND huyện Mê Linh			
VIII.2	Dự án mới 2018 - 2020	2					93.069	-	65.500	-	-	25.000	20.000	20.500	61.000	-	-	25.000	20.000	19.000	(1.500)	2				
I	Trường tiểu học Quang Minh A	1	Mê Linh	2018-2020	Xây mới 21 phòng học, các phòng bộ môn; cải tạo 14 phòng, cải tạo nhà hiệu bộ, nhà đa năng và phụ trợ	4269/QĐ-UBND 27/10/2017	31.564		25.000			25.000			25.000			25.000			-	1	UBND huyện Mê Linh			
	Dự án giảm mức vốn bổ trợ	1					61.505	-	40.500	-	-	-	20.000	20.500	39.000	-	-	-	20.000	19.000	(1.500)	1				
2	Trường THCS Tam Đồng, xã Tam Đồng, huyện Mê Linh	1	Tam Đồng	2019-2020	Xây dựng 16 nhóm lớp học, khu hiệu bộ, chức năng và các hạng mục phụ trợ	2617/QĐ-UBND 25/10/2018	61.505		40.500				20.000	20.500	39.000				20.000	19.000	(1.500)	1	UBND huyện Mê Linh	Phần còn lại NS huyện		
IX	Huyện Mỹ Đức	7					164.049	49.500	100.000	27.500	21.500	33.000	18.000		100.000	27.500	21.500	33.000	18.000		-	7				
IX.1	Dự án chuyển tiếp 2016-2017	6					134.091	49.500	73.000	27.500	21.500	24.000			73.000	27.500	21.500	24.000			-	6				
I	Trường THCS xã Tuy Lai	1	Mỹ Đức	2012-2016	19 phòng học, các phòng bộ môn	1539/QĐ-UBND 03/8/2011; 2275/QĐ-UBND 27/10/2014	14.991	12.000	2.000	2.000					2.000	2.000					-	1	UBND huyện Mỹ Đức			
2	Trường mầm non xã Xuy Xá	1	Mỹ Đức	2013-2016	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng, 10 phòng học và các công trình phụ trợ	2397/QĐ-UBND 21/10/2012	14.996	11.500	2.000	2.000					2.000	2.000					-	1	UBND huyện Mỹ Đức			
3	Trường THCS Hợp Thành	1	Mỹ Đức	2015-2017	Nhà lớp học bộ môn, hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	2129/QĐ-UBND 17/10/2014	14.995	5.300	8.000	4.000	4.000				8.000	4.000	4.000				-	1	UBND huyện Mỹ Đức			
4	Trường tiểu học Hương Sơn A	1	Mỹ Đức	2015-2017	Nhà lớp học 3 tầng, nhà hiệu bộ	156/QĐ-UBND 23/01/2013	29.907	10.500	15.000	6.500	8.500				15.000	6.500	8.500				-	1	UBND huyện Mỹ Đức			
5	Trường tiểu học xã Phú Lưu Tế	1	Mỹ Đức	2015-2017	Nhà 13 phòng học, nhà hiệu bộ và hạng mục phụ trợ	1899/QĐ-UBND 18/9/2014	29.213	10.200	18.000	5.500	5.000	7.500			18.000	5.500	5.000	7.500			-	1	UBND huyện Mỹ Đức			
6	Trường mầm non TT xã Hồng Sơn khu trung tâm	1	Mỹ Đức	2016-2018	Xây dựng 12 phòng học nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	1311/QĐ-UBND 11/7/2014	29.989		28.000	7.500	4.000	16.500			28.000	7.500	4.000	16.500			-	1	UBND huyện Mỹ Đức			
IX.2	Dự án mới 2018 - 2020	1					29.958	-	27.000	-	-	9.000	18.000	-	27.000	-	-	9.000	18.000	-	-	1				
I	Trường mầm non Lê Thanh A	1	Lê Thanh	2018-2019	Xây dựng 18 phòng học, nhà hiệu bộ, nhà bếp và các hạng mục phụ trợ	2070/QĐ-UBND 02/10/2014; 1904/QĐ-UBND 25/8/2017	29.958		27.000				9.000	18.000		27.000			9.000	18.000	-	1	UBND huyện Mỹ Đức			
X	Huyện Phú Xuyên	6					134.322	19.000	100.000	17.500	13.500	33.000	36.000		100.000	17.500	13.500	33.000	36.000		-	6				
IX.1	Dự án chuyển tiếp 2016-2017	4					64.282	19.000	41.000	17.500	13.500	18.000			41.000	17.500	13.500	18.000			-	4				
I	Xây dựng mới phòng khám đa khoa khu vực Trì Thủy	1	Phú Xuyên	2013-2015	Xây mới PKDK 3 tầng	3453/QĐ-SYT-KH 30/10/2010	14.943	9.000	3.000	3.000					3.000	3.000					-	1	UBND huyện Phú Xuyên			
2	Trường mầm non Văn Hoàng	1	Phú Xuyên	2015-2017	Xây dựng mới nhà 3 tầng: lớp học, phòng bộ môn, khu hành chính và các hạng mục phụ trợ	5033/QĐ-UBND 17/10/2014	14.329	5.000	7.500	4.000	3.500				7.500	4.000	3.500				-	1	UBND huyện Phú Xuyên			
3	Trường THCS thị trấn Phú Xuyên	1	Phú Xuyên	2015-2017	Xây dựng nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ	4807/QĐ-UBND 03/10/2014	14.776	5.000	8.000	4.000	4.000				8.000	4.000	4.000				-	1	UBND huyện Phú Xuyên			

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chức năng đầu tư được duyệt		Lấy kế TT từ KC đến hết năm 2015	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đến QĐ 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018						Cấp nhập, điều chỉnh mức vốn trung hạn 2016-2020						Tăng/giảm mức vốn trung hạn	CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó:					Tổng cộng	Trong đó:								
										Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
4	Trường mầm non trung tâm Minh Tân	1	Phú Xuyên	2016-2018	Xây dựng 12 phòng học, nhà hiệu bộ và phụ trợ	716/QĐ-UBND 04/3/2015	24.232		22.500	6.500	6.000	10.000			22.500	6.500	6.000	10.000			-	1	UBND huyện Phú Xuyên	
X.2	Dự án mới 2016 - 2020	2					66.040		59.000			23.000	36.000		59.000			23.000	36.000		-	2		
1	Trường mầm non trung tâm xã Phương Dục	1	Phú Xuyên	2018-2020	Xây dựng 20 phòng học, nhà hiệu bộ, nhà bếp và các hạng mục phụ trợ	2913/QĐ-UBND 14/6/2017	35.957		32.000			23.000	9.000		32.000			23.000	9.000		-	1	UBND huyện Phú Xuyên	
2	Trường tiểu học Tri Trung	1	Tri Trung	2019-2020	Xây dựng 12 phòng học, 04 phòng bộ môn, nhà hiệu bộ, chức năng và phụ trợ	2180/QĐ-UBND 20/8/2018	30.083		27.000				27.000		27.000				27.000		-	1	UBND huyện Phú Xuyên	
XI	Huyện Phúc Thọ	5					131.883	15.800	85.000	11.000	11.000	5.000	24.700	33.300	83.700	11.000	11.000	5.000	24.700	33.300	(1.300)	5		
XI.1	Dự án chuyển tiếp 2016-2017	3					48.918	15.800	27.000	11.000	11.000	5.000			27.000	11.000	11.000	5.000			-	3		
1	Cải tạo, nâng cấp phòng khám đa khoa khu vực Ngọc Tảo	1	Phúc Thọ	2016-2018	Xây mới PKDK 3 tầng	3457/QĐ-SYT 30/10/2010	14.753	9.000	4.000	2.000	2.000				4.000	2.000	2.000				-	1	UBND huyện Phúc Thọ	
2	Trường tiểu học xã Liên hiệp huyện Phúc Thọ	1	Phúc Thọ	2015-2017	Nhà lớp học 3 tầng, nhà hiệu bộ, nhà tập đa năng và các hạng mục phụ trợ	4044a/QĐ-UBND 20/10/2014	19.657	6.800	10.000	5.000	5.000				10.000	5.000	5.000				-	1	UBND huyện Phúc Thọ	
3	Cải tạo nâng cấp trường mầm non xã Ngọc Tảo	1	Phúc Thọ	2016-2018	Nhà lớp học 12 phòng, hiệu bộ	5608/QĐ-UBND 31/12/2013	14.500		13.000	4.000	4.000	5.000			13.000	4.000	4.000	5.000			-	1	UBND huyện Phúc Thọ	
XI.2	Dự án mới 2016 - 2020	2					82.973	-	58.000	-	-	-	24.700	33.300	56.700	-	-	-	24.700	33.300	(1.300)	2		
	Dự án giảm mức vốn bố trí	2					82.973	-	58.000	-	-	-	24.700	33.300	56.700	-	-	-	24.700	33.300	(1.300)	2		
1	Trường mầm non Vông Xuyên A	1	Vông Xuyên	2019-2020	Xây dựng 24 phòng học, khu hiệu bộ, chức năng và các hạng mục phụ trợ	2806/QĐ-UBND 30/10/2018	44.706		23.000					23.000	22.000					22.000	(1.000)	1	UBND huyện Phúc Thọ	
2	Trường mầm non trung tâm xã Thượng Cốc	1	Thượng Cốc	2019-2020	Xây dựng 18 phòng học, nhà hiệu bộ, chức năng và các hạng mục phụ trợ	4334/QĐ-UBND 25/10/2011	38.267		35.000				24.700	10.300	34.700				24.700	10.300	(300)	1	UBND huyện Phúc Thọ	
XII	Huyện Quốc Oai	5					140.617	9.300	85.000	12.000	21.500	25.000	26.500		85.000	12.000	21.500	25.000	26.500		-	5		
XII.1	Dự án chuyển tiếp 2016-2017	3					48.086	9.300	33.500	12.000	21.500				33.500	12.000	21.500				-	3		
1	Trường mầm non trung tâm xã Sài Sơn	1	Quốc Oai	2015-2017	Nhà lớp học 2 tầng, phòng chức năng, nhà hiệu bộ và các công trình phụ trợ	2994/QĐ-UBND 11/10/2010; 4545a/QĐ-UBND 12/12/2014	13.787	4.000	9.000	3.000	6.000				9.000	3.000	6.000				-	1	UBND huyện Quốc Oai	
2	Trường THCS Đồng Quang	1	Quốc Oai	2016-2018	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng, 8 phòng	2575/QĐ-UBND 20/10/2015	14.816		12.000	5.000	7.000				12.000	5.000	7.000				-	1	UBND huyện Quốc Oai	
3	Trường Tiểu học xã Thạch Thán	1	Quốc Oai	2015-2017	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 18 phòng	3541/QĐ-UBND 21/10/2009; 4790/QĐ-UBND 22/12/2014	19.483	5.300	12.500	4.000	8.500				12.500	4.000	8.500				-	1	UBND huyện Quốc Oai	
XII.2	Dự án mới 2016 - 2020	2					92.531	-	51.500	-	-	25.000	26.500	-	51.500	-	-	25.000	26.500	-	-	2		
1	Xây mới trường mầm non Sài Sơn C	1	Quốc Oai	2018-2020	Xây dựng 18 phòng học, nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	8082/QĐ-UBND 30/10/2017; 3749/QĐ-UBND 23/8/2018	44.706		43.000			25.000	18.000		43.000			25.000	18.000		-	1	UBND huyện Quốc Oai	
2	Trường tiểu học Sài Sơn A	1	Sài Sơn	2019-2020	Xây dựng 12 phòng học, phòng bộ môn, nhà hiệu bộ, chức năng và phụ trợ	6303/QĐ-UBND 28/8/2017	47.825		8.500			8.500			8.500			8.500			-	1	UBND huyện Quốc Oai	
XIII	Huyện Sóc Sơn	7					156.706	10.424	100.000	10.000	9.000	25.500	24.600	30.900	98.100	10.000	9.000	25.500	24.600	29.000	(1.900)	7		
XIII.1	Dự án chuyển tiếp 2016-2017	2					46.708	10.424	19.000	10.000	9.000				19.000	10.000	9.000				-	2		
1	Trường mầm non Tân Minh khu B	1	Sóc Sơn	2014-2016	Xây mới khối nhà 2 tầng 6 phòng học, 01 phòng đa năng	4772/QĐ-UBND 3/9/2013	26.708	10.424	5.000	5.000					5.000	5.000					-	1	UBND huyện Sóc Sơn	
2	Cải tạo, nâng cấp Trường tiểu học Trưng Giã (khu B)	1	Sóc Sơn	2016-2018	Xây mới khối nhà học và nhà hiệu bộ 2 tầng, cải tạo nhà học 2 tầng cũ, xây dựng đồng bộ hạng mục phụ trợ, HTKT, mua sắm thiết bị	6263/QĐ-UBND 29/10/2013	20.000		14.000	5.000	9.000				14.000	5.000	9.000				-	1	UBND huyện Sóc Sơn	
XIII.2	Dự án mới 2016 - 2020	5					109.998	-	81.000	-	-	25.500	24.600	30.900	79.100	-	-	25.500	24.600	29.000	(1.900)	5		
1	Xây dựng trường mầm non Xuân Thu (khu trung tâm)	1	Sóc Sơn	2018-2020	Xây 08 phòng học và các hạng mục phụ trợ	5487/QĐ-UBND 17/10/2016; 8595/QĐ-UBND 17/10/2017	12.988		12.000			12.000			12.000			12.000			-	1	UBND huyện Sóc Sơn	

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Lấy kế TT từ KC đến hết năm 2015	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đến NQ 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018						Cộng nhập, điều chỉnh mức vốn trung hạn 2016-2020						Tăng/giảm mức vốn trung hạn	CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú	
						Số, ngày QB	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó:					Tổng cộng	Trong đó:									
										Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	
2	Trường THCS Tân Minh B	1	Sóc Sơn	2018-2020	Xây 06 phòng học, nhà thể chất, cải tạo phụ trợ	5616/QĐ-UBND 26/10/2016; 8796/QĐ-UBND 31/10/2017	14.500		13.500				13.500			13.500				13.500		-	1	UBND huyện Sóc Sơn	
3	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Tân Minh B	1	Tân Minh	2019-2020	Xây dựng 12 phòng học, khu hiệu bộ, chức năng và các hạng mục phụ trợ	3503/QĐ-UBND 31/10/2018	25.395		24.600				24.600		24.600				24.600		-	1	UBND huyện Sóc Sơn		
	Dự án bổ sung danh mục và mức vốn	1					24.707	-	-	-	-	-	-	-	14.000	-	-	-	-	14.000	14.000	1			
4	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Minh Trí A	1	Minh Trí	2020		3592/QĐ-UBND 31/10/2018	24.707		14.000						14.000				14.000		-	1	UBND huyện Sóc Sơn	Phần còn lại NS huyện	
	Dự án giảm mức vốn bổ trợ	1					32.408	-	30.900	-	-	-	-	30.900	15.000	-	-	-	-	15.000	(15.900)	1			
5	Xây dựng phân hiệu 2 trường mầm non Minh Phú	1	Minh Phú	2018 - 2020	Xây dựng 2 khối nhà 12 phòng học, nhà hiệu bộ và phụ trợ	5753/QĐ-UBND 23/10/2013; 75/QĐ-UBND 15/01/2018	32.408		30.900					30.900	15.000					15.000	(15.900)	1	UBND huyện Sóc Sơn		
XIV	Huyện Thạch Thất	4					116.131		85.000	8.000	11.000	24.500	27.000	14.500	83.500	8.000	11.000	24.500	27.000	13.000	(1.500)	4			
XIV.1	Dự án chuyển tiếp 2016-2017	1					29.930		19.000	8.000	11.000				19.000	8.000	11.000				-	1			
1	Nhà trẻ 19/5 thị trấn Liên Quan	1	Thạch Thất	2016-2018	Phòng chức năng, công trình phụ trợ	5850/QĐ-UBND 21/8/2014	29.930		19.000	8.000	11.000				19.000	8.000	11.000				-	1	UBND huyện Thạch Thất	NS huyện đã ứng 7,5 tỷ phục vụ GPMB và xây lắp	
XIV.2	Dự án mới 2018 - 2020	3					86.201		66.000			24.500	27.000	14.500	64.500			24.500	27.000	13.000	-1.500	3			
1	Trường THCS Hạ Bằng huyện Thạch Thất	1	Thạch Thất	2018-2020	Xây dựng 20 phòng học, nhà hiệu bộ, nhà bếp và các hạng mục phụ trợ	6590/QĐ-UBND 30/10/2017	26.488		24.500			24.500			24.500			24.500			-	1	UBND huyện Thạch Thất		
2	Trường mầm non trung tâm Bình Phú A	1	Bình Phú	2019 - 2020	Xây dựng 12 phòng học, 2 phòng bộ môn và phụ trợ	3872/QĐ-UBND 26/10/2018	30.000		27.000				27.000		27.000				27.000		-	1	UBND huyện Thạch Thất		
	Dự án loại bỏ khỏi danh mục	1					-	-	14.500	-	-	-	-	14.500		-	-	-	-	-	(14.500)				
	Trường mầm non trung tâm xã Hạ Bằng		xã Hạ Bằng			101/HĐND -VP 31/10/2017			14.500					14.500						(14.500)			UBND huyện Thạch Thất		
	Dự án bổ sung danh mục và mức vốn	1					29.713	-	-	-	-	-	-	-	13.000	-	-	-	-	13.000	13.000	1			
3	Trường tiểu học Phú Kim	1	Phú Kim	2020		2527/QĐ-UBND 26/6/2019	29.713		13.000						13.000					13.000	13.000	1	UBND huyện Thạch Thất		
XV	Huyện Thanh Oai	7					124.413	10.300	85.000	14.000	13.000	25.000	33.000		85.000	14.000	13.000	25.000	33.000		-	7			
XV.1	Dự án chuyển tiếp 2016-2017	3					44.557	10.300	27.000	14.000	13.000				27.000	14.000	13.000				-	3			
1	Trường THCS xã Phương Trung	1	Thanh Oai	2015-2017	Nhà hiệu bộ 3 tầng, nhà lớp học bộ môn 3 tầng và các hạng mục phụ trợ	2867/QĐ-UBND 29/10/2010	14.620	5.000	7.500	4.000	3.500				7.500	4.000	3.500				-	1	UBND huyện Thanh Oai		
2	Trường THCS xã Liên Châu	1	Thanh Oai	2016-2017	Nhà hiệu bộ, nhà đa năng, nhà lớp học bộ môn 3 tầng	1223b/QĐ-UBND 25/10/2012	14.961	5.300	7.500	4.000	3.500				7.500	4.000	3.500				-	1	UBND huyện Thanh Oai		
3	Trường MN thôn Dân Viên xã Cao Viên	1	Thanh Oai	2016-2018	Nhà lớp học 2 tầng, nhà lớp học chức năng, các hạng mục phụ trợ	1419/QĐ-UBND 24/10/2011; 2163/QĐ-UBND 28/10/2015	14.976		12.000	6.000	6.000				12.000	6.000	6.000				-	1	UBND huyện Thanh Oai		
XV.2	Dự án mới 2018 - 2020	4					79.856		58.000			25.000	33.000		58.000			25.000	33.000		-	4			
1	Trường Mầm non trung tâm xã Kim An (khu trung tâm)	1	Thanh Oai	2018-2020	Xây dựng 06 phòng học, nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	1904/QĐ-UBND 01/10/2016; 1919A/QĐ-UBND 15/8/2017	14.950		12.500			8.500	4.000		12.500			8.500	4.000		-	1	UBND huyện Thanh Oai		
2	Trường tiểu học xã Thanh Văn	1	Thanh Oai	2018-2020	Xây mới 10 phòng học; cải tạo 04 phòng học, nhà hiệu bộ và phụ trợ	2965/QĐ-UBND 03/10/2016; 1920/QĐ-UBND 15/8/2017	14.983		12.500			8.500	4.000		12.500			8.500	4.000		-	1	UBND huyện Thanh Oai		
3	Trường tiểu học xã Cự Khê	1	Thanh Oai	2018-2020	Xây mới nhà hiệu bộ, nhà đa năng và phụ trợ	3056/QĐ-UBND 08/10/2016	14.544		13.000			8.000	5.000		13.000			8.000	5.000		-	1	UBND huyện Thanh Oai		
4	Trường mầm non xã Cao Viên (điểm trường thôn Đồng), huyện Thanh Oai	1	Cao Viên	2019-2020	Xây dựng 12 phòng học, nhà hiệu bộ, chức năng và các hạng mục phụ trợ	2974/QĐ-UBND 24/10/2018	35.379		20.000				20.000		20.000				20.000		-	1	UBND huyện Thanh Oai		
XVI	Huyện Thanh Trì	4					122.064	24.000	50.000	7.000	3.500	9.000	-	30.500	47.500	7.000	3.500	9.000	-	28.000	(2.500)	4			
XVI.1	Dự án chuyển tiếp 2016-2017	2					41.695	24.000	10.500	7.000	3.500				10.500	7.000	3.500				-	2			
1	Xây dựng trung tâm y tế huyện Thanh Trì	1	Thanh Trì	2013-2015		306/QĐ-KH&ĐT 29/10/2012	29.963	20.000	4.000	4.000					4.000	4.000					-	1	UBND huyện Thanh Trì		

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Nội dung thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Lấy kế TT từ KC đến hết năm 2015	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 đến NQ 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018						Cấp nhập, điều chỉnh mức vốn trung hạn 2016-2020						Tăng/giảm mức vốn trung hạn	CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trung đó:					Tổng cộng	Trung đó:								
										Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
2	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Vạn Phúc, huyện Thanh Trì	1	Thanh Trì	2015-2017	Xây dựng mới nhà lớp học 3 tầng kết hợp các phòng chức năng	6082/QĐ-UBND 30/10/2014	11.732	4.000	6.500	3.000	3.500				6.500	3.000	3.500				-	1	UBND huyện Thanh Trì	
XVII.2 Dự án mới 2018 - 2020		2					88.369	-	39.500	-	-	9.000	-	30.500	37.000	-	-	9.000	-	28.000	(2.500)	2		
1	Xây mới trạm y tế xã Thanh Lôi	1	Thanh Trì	2018-2020	Xây mới trạm y tế	6802/QĐ-UBND 27/10/2017	9.912		9.000			9.000			9.000			9.000			-	1	UBND huyện Thanh Trì	
Dự án loại bỏ khỏi danh mục		1						-	30.500	-	-	-	-	30.500		-	-	-	-	-	(30.500)			
	Xây mới trường tiểu học tá Thanh Oai (tại thôn Tá Thanh Oai)		Thanh Trì	2018-2020		7215/QĐ-UBND 16/10/2018			30.500					30.500							(30.500)		UBND huyện Thanh Trì	
Dự án bổ sung danh mục và mức vốn		1					70.457	-	-	-	-	-	-	-	28.000	-	-	-	-	28.000	28.000	1		
2	Cải tạo, mở rộng trường tiểu học Tô Hiệp	1	Thanh Trì	2019-2020	02 khối nhà học 4 tầng với 30 phòng học	4082/QĐ-UBND 15/10/2019	70.457								28.000					28.000	28.000	1	UBND huyện Thanh Trì	Phân cân lại NS huyện
XVII Huyện Thường Tín		8					153.072	24.000	85.000	12.000	8.000	23.000	20.000	22.000	83.000	12.000	8.000	13.000	20.000	20.000	(2.000)	8		
XVII.1 Dự án chuyển tiếp 2016-2017		4					71.973	24.000	28.000	12.000	8.000	8.000			28.000	12.000	8.000	8.000			-	4		
1	Trường mầm non trung tâm xã Nhị Khê	1	Thường Tín	2013-2015	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng, 10 phòng học và các công trình phụ trợ	1436/QĐ-UBND 07/5/2013	24.887	17.000	3.000	3.000					3.000	3.000					-	1	UBND huyện Thường Tín	
2	Trường THCS xã Tự Nhiên	1	Thường Tín	2015-2017	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học, nhà bộ môn, đa năng	2889/QĐ-UBND 22/10/2010; 669/QĐ-UBND 20/4/2015	23.705	7.000	5.000	5.000					5.000	5.000					-	1	UBND huyện Thường Tín	NSTP hỗ trợ 70%, NS huyện bổ trợ phần còn lại
3	Trường THCS Quất Động	1	Thường Tín	2016-2018	Xây dựng 06 phòng học, phụ trợ	3660/QĐ-UBND 12/5/2014	9.487		7.500	4.000	3.500				7.500	4.000	3.500				-	1	UBND huyện Thường Tín	
4	Trường tiểu học xã Văn Tự	1	Thường Tín	2017-2018	Xây dựng 09 phòng học, nhà hiệu bộ và hạng mục phụ trợ	6000/QĐ-UBND 28/10/2016	13.894		12.500		4.500	8.000			12.500		4.500	8.000			-	1	UBND huyện Thường Tín	
XVII.2 Dự án mới 2018 - 2020		4					81.099	-	57.000	-	-	15.000	20.000	22.000	55.000	-	-	15.000	20.000	20.000	(2.000)	4		
1	Trường mầm non Văn Phú huyện Thường Tín	1	Thường Tín	2018-2020	Xây dựng 13 phòng học, các phòng chức năng, hiệu bộ, các hạng mục phụ trợ	3287/QĐ-UBND 30/10/2017	37.902		25.000			15.000	10.000		25.000			15.000	10.000		-	1	UBND huyện Thường Tín	
2	Trường tiểu học Nhị Khê	1	Nhị Khê	2019 - 2020	Xây dựng 08 phòng học, nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	3392/QĐ-UBND 31/10/2017	13.470		10.000				10.000		10.000				10.000		-	1	UBND huyện Thường Tín	
Dự án giảm mức vốn bổ trợ		2					29.727	-	22.000	-	-	-	-	22.000	20.000	-	-	-	-	20.000	(2.000)	2		
3	Trường mầm non trung tâm xã Dũng Tiến	1	Dũng Tiến	2018-2019	Xây dựng 14 phòng học và các hạng mục phụ trợ	3324/QĐ-UBND 30/10/2017	14.836		11.000					11.000	10.000				10.000		(1.000)	1	UBND huyện Thường Tín	
4	Trường mầm non Tự Nhiên (GD 2)	1	Tự Nhiên	2020	Xây dựng 13 phòng học và phụ trợ	3616/QĐ-UBND 18/10/2018	14.891		11.000					11.000	10.000				10.000		(1.000)	1	UBND huyện Thường Tín	
XVIII Huyện Ứng Hòa		7					160.837	27.800	100.000	19.500	15.000	25.000	18.500	22.000	99.000	19.500	15.000	25.000	18.500	21.000	(1.000)	7		
XVIII.1 Dự án chuyển tiếp 2016-2017		4					88.891	27.800	49.500	19.500	15.000	15.000			49.500	19.500	15.000	15.000			-	4		
1	Phòng khám đa khoa khu vực Lưu Hoàng	1	Ứng Hòa	2013-2014	Xây mới PKĐK 3 tầng	3456/QĐ-SYT 30/10/2010	14.900	9.000	2.000	2.000					2.000	2.000					-	1	UBND huyện Ứng Hòa	
2	Trường THCS xã Đại Bình	1	Ứng Hòa	2015-2017	Nhà hiệu bộ, nhà lớp học bộ môn 3 tầng	810/QĐ-UBND 17/10/2014	14.970	5.300	8.000	4.000	4.000				8.000	4.000	4.000				-	1	UBND huyện Ứng Hòa	
3	Trường mầm non trung tâm xã Đại Cường	1	Ứng Hòa	2015-2017	Nhà lớp học 2 tầng, 12 phòng	600/QĐ-UBND 26/10/2013	29.921	13.500	12.500	6.500	6.000				12.500	6.500	6.000				-	1	UBND huyện Ứng Hòa	NS huyện bổ trợ 3 tỷ đồng
4	Trường THCS xã Hòa Nam	1	Ứng Hòa	2016-2018	Xây dựng 12 phòng học, nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	149/QĐ-UBND 28/3/2014	29.100		27.000	7.000	5.000	15.000			27.000	7.000	5.000	15.000			-	1	UBND huyện Ứng Hòa	
XVIII.2 Dự án mới 2018 - 2020		3					71.946	-	50.500	-	-	10.000	18.500	22.000	49.500	-	-	10.000	18.500	21.000	(1.000)	3		
1	Trường Mầm Non trung tâm xã Trầm Lộng, huyện Ứng Hòa	1	Ứng Hòa	2018-2020	Xây mới 14 phòng học, nhà hiệu bộ	1193/QĐ-UBND 30/10/2017	25.212		19.500			10.000	9.500		19.500			10.000	9.500		-	1	UBND huyện Ứng Hòa	
2	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Quảng Phú Cầu (giai đoạn 2)	1	Quảng Phú Cầu	2019		1138/QĐ-UBND 30/10/2018	9.896		9.000			9.000			9.000				9.000		-	1	UBND huyện Ứng Hòa	
Dự án giảm mức vốn bổ trợ		1					36.838	-	22.000	-	-	-	-	22.000	21.000	-	-	-	-	21.000	(1.000)	1		
3	Trường mầm non tập trung Đại Bình	1	Đại Bình	2020		999/QĐ-UBND 26/10/2018; 218/QĐ-UBND 29/3/2019	36.838		22.000					22.000	21.000					21.000	(1.000)	1	UBND huyện Ứng Hòa	